

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/02/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+P9+P11	7:25	21+0+1	0+0+0		20+0+0	0+0+0	Michuyen 1 P9-P11
2		TTC3+TTC1+P6	7:25	8+5+9	0+0+0		4+4+14	0+0+0	Mi
3		BK19+BK15	7:25	9+10	0+0		0+6	0+0	Puma
4		SAVR+CLO+TTC3	9:25	14+2+3	0+0		12+5+5	0+0	Mi
5		BK15+P6	9:25	4+18	0+0+0		4+18	0+0+0	Mi
6		P8+TTC2	9:25	16+2	0+0+0		10+2	0+0+0	Chuyen 1 P8-TTC2; Puma
7		P10+SAVR+RC5	11:25	11+5+5	0+0+0		0+5+0	0+0+0	Mi
8		BK10+BK21+TTC2	11:25	5+4+6	0+0+0		0+5+6	0+0+0	Puma

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: P8 - P9 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: NAM - VTHẮNG - VŨ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRƯỜNG SA	P8	55	1	3	3	55	70	KH-THAC	Vietnamese
2	SYSTEROV	P8	26	1	3			80	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P8	29	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
4	LAZAREV	P8	27	1	6			83	KH-THAC	Russian
5	TRẦN VĂN QUÊ	P8	49	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BÁC	P8	52	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	65	1	14			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	54	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRỌNG BÌNH	P8	53	1	13			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	57	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN THÀNH	P8						71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	32	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P8	28	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC TRUNG	P8	64	1	12			92	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TỬ ANH	P8	31	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	56	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG THẮNG	P8	25	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG HUY	P8	30	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG TRI NAM	P8						83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG VĂN TÙNG	P8	63	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
21	DO MINH THUẬN	P11	95	1	10			82	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	P11	94	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	20	1.441	18	115	3	55	19		
2	P9	0	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 KHACH TU P9 SANG P11
3	P11	2	161	2	24	0	0	0		
TOTAL		22	1.602	20	139	3	55	19		
WEIGHT KG			1.602		139		55			

GRAND TOTAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: TTC3 - TTC1 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TOAN	TTC3						75	D-HANH	Vietnamese
2	CHU MINH HUNG	TTC3	13	1	3			84	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN THINH	TTC3	14	1	5			73	NIPI	Vietnamese
4	ĐẶNG THÈ ANH	TTC3	10	1	2			69	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN VINH DUNG	TTC3	12	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU ĐỨC HUNG	TTC3	15-16	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC CHUNG	TTC3	11	1	8			53	KH-THAC	Vietnamese
8	LE ĐẠI THANH	TTC1	48	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	49	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TTC1	45-46	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG THAI ANH	TTC1	47	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUNG	TTC1	50	1	5			77	PSV	Vietnamese
13	CHERNAVSKII DMITRII	P6	43	1	10			115	KH-THAC	Russian
14	PIATOV	P6	42	1	13			103	KH-THAC	Russian
15	VU VAN HOAN	P6	32	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DINH HOAN	P6	39	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	35	1	8	1	15	89	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO MẠNH HUY	P6	40-41	2	14			79	KH-THAC	Vietnamese
19	VUÔNG VĂN THÔNG	P6	38	1	5			68	YTE	Vietnamese
20	DU TRẦN HUNG	P6	33-34	2	17			79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DUY ANH	P6	37	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SAU	P6	44	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	7	487	7	40	0	0	4		
2	TTC1	5	356	6	32	0	0	4		
3	P6	10	832	12	88	1	15	14		
TOTAL		22	1.675	25	160	1	15	22		
WEIGHT KG			1.675		160		15			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: BK19 - BK15	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HHAI - HOÀI	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	BK19	58	1	10	2	35	67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO MINH TOÀN	BK19	56-57	2	18			110	KH-THAC	Vietnamese
3	HÀ XUÂN THÀNH	BK19	59	1	7			110	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK19	62	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK19	60	1	16			75	CODIEN	Vietnamese
6	ĐO ĐỨC ANH	BK19	61	1	16	2	18	76	CODIEN	Vietnamese
7	BUI TRUNG SON	BK19	55	1	6			73	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG HIẾU	BK15	71	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ MINH PHƯƠNG	BK15						71	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGỌC HÙNG	BK15						75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG HOANG	BK15	68	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	70	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU TIẾN THÀNH	BK15	69	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CHÍ CÔNG	BK15	65	1	4			93	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỮU CHÍNH	BK15	67	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THAI SƠN	BK15	63-64	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH BÌNH	BK15	66	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	7	590	8	84	4	53	0		
2	BK15	10	736	9	62	0	0	6		
TOTAL		17	1.326	17	146	4	53	6		
WEIGHT KG			1.326		146		53			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: SAVR - CLO - TTC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: NAM - HTRUNG - VŨ	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KVARTNIKOV ALEXEY	SAVR	05	1	12			148	AMNGR	Russian
2	DOMKIN EVGENII	SAVR	14-15	2	9			96	AMNGR	Russian
3	KHUSAINOV RUSTAM	SAVR	07	1	9			88	AMNGR	Russian
4	DERBASOV ANDREI	SAVR	12-13	2	12			75	AMNGR	Russian
5	NGUYEN HOANG ANH DUNG	SAVR	18-19	2	15			70	PVDLOGG	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SON	SAVR	23	1	10			79	PVDWS	Vietnamese
7	KIZIN DMITRII	SAVR	01-02	2	8			91	AMNGR	Russian
8	TREPSHIN DMITRY	SAVR	03-04	2	10			89	AMNGR	Russian
9	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	06	1	11			67	AMNGR	Russian
10	HOANG XUAN CANH	SAVR	24-25	2	11			70	AMNGR	Vietnamese
11	KIRICHENKO K.P.	SAVR	20	1	5			83	KHOAN	Russian
12	WANG XUECHEN	SAVR	16-17	2	15			83	BAKER HU	Chinese
13	DUONG KHANH HOANG	SAVR	21-22	2	12	1	15	81	BAKER HU	Vietnamese
14	MYLNIKOV SERGEI	SAVR	08-09	2	13			123	AMNGR	Russian
15	NGUYEN VAN HIEU	CLO	83-84	2	15			87	DVL	Vietnamese
16	BUI DUC TRUNG	CLO	85	1	11			64	DVL	Vietnamese
17	VO TUAN MANH	TTC3	29,31	2	12			70	KH THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH LOC	TTC3	32	1	5			75	KH THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SA	TTC3	30	1	6			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	14	1.243	23	152	1	15	12		
2	CLO	2	151	3	26	0	0	5		
3	TTC3	3	213	4	23	0	0	5		
TOTAL		19	1.607	30	201	1	15	22		
WEIGHT KG			1.607		201		15			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/02/2025	TO: BK15 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG VAN PHUONG	BK15	55	1	4	2	25	66	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN DUY KHANH	BK15	60	1	4			88	PSV	Vietnamese
3	LUONG TUAN ANH	BK15	56-57	2	16			87	KH THAC	Vietnamese
4	VU MINH DUC	BK15	58-59	2	17	3	56	95	KH THAC	Vietnamese
5	HA DUY ĐÔNG	P6				1	26	94	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TIEN DUNG	P6	21	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG THỌ TAM	P6	24	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HIỆP	P6	19	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HUY THAI	P6	26	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO KIM SÂM	P6	27	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO NGUYEN HUNG	P6	25	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN KHANH	P6	23	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	16	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THIN	P6	31	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG HUY	P6	28	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG DUY	P6	29	1	8			53	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG THANH	P6	18	1	5			71	PSV	Vietnamese
18	DUONG VAN TUAN	P6	20	1	7			62	PSV	Vietnamese
19	DANG XUAN DUONG	P6	17	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG HUY	P6	14-15	2	13			85	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	P6	22	1	10			74	PSV	Vietnamese
22	VU VAN HUNG	P6	30	1	5			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	4	336	6	41	5	81	4		
2	P6	18	1.297	18	112	1	26	18		
TOTAL		22	1.633	24	153	6	107	22		
WEIGHT KG			1.633		153		107			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: P8 - TTC2	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HHAI - HOÀI	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	THAI QUÂN	P8	12	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG PHUC HUNG	P8				1	9	94	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ĐỨC SƠN	P8	20-21	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUỐC KHÔI	P8	18-19	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ANH TUAN	P8	22	1	13			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TRUNG	P8	30-31	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHUONG DUY	P8	14	1	15			147	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG QUY	P8	28	1	11			71	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN MINH ĐẠT	P8	29	1	14			80	DVL	Vietnamese
10	VU ĐỨC TUNG	P8	23-24	2	6			75	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN THANH BINH	P8	17	1	8			74	PSV	Vietnamese
12	HA VAN THIEN	P8	27	1	9			75	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TUNG	P8	25-26	2	18			76	PSV	Vietnamese
14	DO DAI DUONG	P8	15	1	4			58	PSV	Vietnamese
15	TRAN HOANG GIANG	P8	13	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRĂNG	TTC2	47	1	4	1	22	68	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU VIET DUNG	TTC2	46	1	2			87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	15	1.172	19	161	1	9	10	+ 1	CHUYEN 1 PAX P8 - TTC2
2	TTC2	2	155	2	6	1	22	2		
TOTAL		17	1.327	21	167	2	31	12		
WEIGHT KG			1.327		167		31			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: P10 - SAVR - RC5	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - VTHANG - QTRUONG	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THE HUY	P10	14	1	11	2	45	81	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN NGOC	SAVR	46	1	9			68	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN HONG HUAN	SAVR	53-54	2	23			74	AMNGR	Vietnamese
4	LE THANH THAI	SAVR	47	1	15			94	KHOAN	Russian
5	BRATCHIKOV NIKOLAY	SAVR	43-44	2	15			83	AMNGR	Russian
6	LOSEV ALEKSEI	SAVR	96-97	2	16			91	AMNGR	Russian
7	GOLOVIN KONSTATIN	SAVR	45	1	13			110	AMNGR	Russian
8	POMAZANSKII IVAN	SAVR	48-49	2	15			80	AMNGR	Russian
9	UMERBAEV RINAT	SAVR	92-93	2	9			77	AMNGR	Russian
10	TRAN VAN CUNG	SAVR	51-52	2	16			59	AMNGR	Vietnamese
11	LE THANH TUAN	SAVR	746	1	11			68	PVDLOGG	Vietnamese
12	LE ANH SON	SAVR	50	1	11			69	DMC MI	Vietnamese
13	FIROV DENIS	SAVR	90-91	2	15			126	AMNGR	Russian
14	AKONOV	RC5	61	1	8			86	KH-THAC	Russian
15	TRAN QUOC DAI	RC5	62-63	2	17	2	40	85	KH-THAC	Vietnamese
16	DO VAN HIEU	RC5	64	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LE DANG QUANG	RC5	67	1	15			95	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUNG	RC5	65-66	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	1	81	1	11	2	45	0		
2	SAVR	12	999	19	168	0	0	12		
3	RC5	5	417	7	68	2	40	0		
TOTAL		18	1.497	27	247	4	85	12		
WEIGHT KG			1.497		247		85			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2025	TO: BK10 - BK21 - TTC2	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HHAI - VLINH	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO ĐỨC THAI	BK10	10	1	17			91	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG CUONG	BK10	97	1	14	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HOANG NAM	BK10	12	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DOAN ĐỨC	BK10	13	1	12	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN CHUONG	BK10	11	1	14			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MANH TRUONG	BK21	47	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HUY	BK21	12	1	15	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HONG GIANG	BK21	46	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN CUONG	BK21	14	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC VIET	BK21	13	1	10			61	PSV	Vietnamese
11	PHUNG MINH HIEU	TTC2	50	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
12	HO TRUONG KIEN	TTC2	49	1	12			97	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN TUAN	TTC2						59	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHUONG	TTC2	52	1	6	1	20	58	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TIEN QUY	TTC2	51	1	4			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	5	381	5	70	2	30	0		
2	BK21	5	372	5	53	1	20	5		
3	TTC2	5	365	4	27	1	20	6		
TOTAL		15	1.118	14	150	4	70	11		
WEIGHT KG			1.118		150		70			

GRAND TOTAL: 1.338 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN